

MẪU NHÃN HỘP, VỈ ĐĂNG KÝ

204/143

MẪU NHÃN VỈ 20 VIÊN

Ghi chú: Số lô SX, hạn dùng dập nổi trên vỉ

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 27/12/13

Rx

20 Viên nén - 20 Tablets

VAMIDOL 480

Công thức: Mỗi viên nén có chứa:

Trimethoprim.....80 mg
Sulfamethoxazole.....400 mg

Tá dược vừa đủ một viên nén.

Chỉ định:

Điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm cotrimoxazol gây ra.

- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu.
- Nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do Shigella bacilli.
- Viêm phổi do Pneumocystis carinii.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

www.spm.com.vn

Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn

GMP - WHO

ISO 9001: 2008

ISO 14001: 2004

VAMIDOL 480 VAMIDOL 480 VAMIDOL 480 VAMIDOL 480

VAMIDOL 480

Công thức: Mỗi viên nén VAMIDOL 480 chứa

Trimethoprim.....80 mg
Sulfamethoxazole.....400 mg

Tá dược vừa đủ một viên.

Chỉ định, Chống chỉ định, Liều dùng/Cách dùng,

Thận trọng, Tác dụng phụ và các thông tin khác:

Xin đọc trên tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng (< 30°C).

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.

Indications, Contraindications, Dosage / Administration, Precautions, Side effects and Others information: Read the enclosed leaflet.

Storage: Store in dry place, avoid sunlight, at room temperature (< 30°C).

CAREFULLY READ THE ENCLOSED LEAFLET BEFORE USE.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

Tiêu chuẩn/Specification: TCCS/Manufacturer's

SĐK/Visa.No.: VD-20337-13

20 VIÊN NÉN - 20 TABLETS



S.P.M CORPORATION

www.spm.com.vn

Lot 51, Street 2, Tân Tạo Industrial Park
Bình Tân Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam.

Manufacturer's achieves

• GMP - WHO

• ISO 9001: 2008

• ISO 14001: 2004

Số lô SX: Ngày SX: Hạn dùng:



8935071 400171

Rx

THUỐC BÁN THEO ĐƠN

VAMIDOL 480 mg

20 viên nén

VAMIDOL 480



CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

www.spm.com.vn

Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn

• GMP - WHO

• ISO 9001: 2008

• ISO 14001: 2004

VAMIDOL 480

10.8 x 7 x 1.4 cm

TP.HCM, ngày 28/11/2013

Tổng Giám Đốc



Ds. NGUYỄN THẾ KỶ

Rx – Thuốc bán theo đơn

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC
VIÊN NÉN VAMIDOL 480
Sản xuất theo: TCCS

**CÔNG THỨC**

Mỗi viên nén có chứa:

- **Hoạt chất:** Sulfamethoxazol..... 400,00 mg
Trimethoprim..... 80,00 mg
- **Tá dược** vừa đủ cho 1 viên nén (Tinh bột khoai, Talc, Magnesi stearat, Natri starch glycolat (A), Polyvinyl alcohol, Methyl parahydroxybenzoat, Propyl parahydroxybenzoat, Propylen glycol).

Dược lực học

- Cơ chế tác dụng: Sulfamethoxazol là một sulfonamid, ức chế cạnh tranh sự tổng hợp acid folic của vi khuẩn. Trimethoprim là một dẫn chất của pyrimidin, ức chế đặc hiệu enzym dihydrofolat reductase của vi khuẩn. Phối hợp trimethoprim và sulfamethoxazol như vậy ức chế hai giai đoạn liên tiếp của sự chuyển hóa acid folic, do đó ức chế có hiệu quả việc tổng hợp purin, thymin và cuối cùng DNA của vi khuẩn. Sự ức chế nối tiếp này có tác dụng diệt khuẩn. Cơ chế hiệp đồng này cũng chống lại sự phát triển vi khuẩn kháng thuốc và làm cho thuốc có tác dụng ngay cả khi vi khuẩn kháng lại từng thành phần của thuốc.
- VAMIDOL 480 là một kháng sinh kết hợp gồm Sulfamethoxazol và Trimethoprim ở tỉ lệ 5:1.
- Các vi sinh vật sau đây thường nhạy cảm với thuốc: Klebsiella sp., Enterobacter sp., Proteus indol dương tính, bao gồm cả P. vulgaris, H. influenzae (bao gồm cả các chủng kháng ampicilin).
- Các vi sinh vật thường kháng thuốc là: Enterococcus, Pseudomonas, Campylobacter, vi khuẩn kỵ khí, não mô cầu, lậu cầu, Mycoplasma.
- Kháng thuốc cotrimoxazol phát triển chậm trong ống nghiệm hơn so với từng thành phần đơn độc của thuốc. Tính kháng này tăng ở cả vi sinh vật Gram dương và Gram âm, nhưng chủ yếu ở Enterobacter.
- Ở Việt Nam, theo báo cáo của Chương trình giám sát quốc gia về tính kháng thuốc của vi khuẩn gây bệnh (ASTS) thì sự kháng thuốc phát triển rất nhanh,

nhieu vi khuẩn trong các năm 70 - 80 thường nhạy cảm với thuốc này đã kháng mạnh (*Klebsiella*, *Proteus spp.*, *Enterobacter*, *Salmonella typhi*).



Dược động học

- Thuốc được hấp thu nhanh sau khi uống, nồng độ tối đa trong huyết thanh của cả hai kháng sinh từ 1 – 4 giờ sau khi uống. 70% của Trimethoprim và 44 – 62% của Sulfamethoxazol được gắn kết với protein huyết tương. Sự phân bố của cả hai kháng sinh khác nhau; Sulfonamid chỉ thấm qua màng ngoài tế bào trong khi Trimethoprim được phân bố trong tất cả các dịch của cơ thể. Nồng độ cao của Trimethoprim được tìm thấy trong dịch tiết của phổi, tuyến tiền liệt, và trong mật. Nồng độ Sulfamethoxazol trong dịch cơ thể thấp. Cả hai hiện diện trong nước bọt, dịch tiết của âm đạo và trong dịch tai giữa ở nồng độ điều trị. Thể tích phân bố của Sulfamethoxazol là 0,36 l/kg và Trimethoprim là 2,0 l/kg.
- Cả hai được chuyển hóa ở gan – Sulfonamid được chuyển hóa chủ yếu nhờ sự acetyl hóa và liên hợp với acid glucuronic và Trimethoprim được chuyển hóa qua sự oxi hóa và hydroxy hóa.
- Cả hai được chuyển hóa chủ yếu qua thận, bằng cách lọc qua cầu thận và bằng sự bài tiết qua ống hoạt động. Nồng độ của cả hai trong nước tiểu cao hơn nhiều so với nồng độ của chúng trong máu. 84,5% liều uống của Sulfonamid và 66,8% trimethoprim được bài tiết trong nước tiểu trong vòng 72 giờ. Thời gian bán thải trong máu của chúng là 10 giờ đối với Sulfamethoxazol và 8 – 10 giờ đối với Trimethoprim. Thời gian bán thải của cả hai kéo dài ở người suy thận đến mức cần phải điều chỉnh liều.
- Cả Sulfamethoxazol cũng như Trimethoprim đều qua sữa mẹ và nhau thai.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm cotrimoxazol gây ra.

- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu.
- Viêm khuẩn đường tiêu hóa do *Shigella bacilli*.
- Viêm phổi do *Pneumocystis carinii*.

LIỀU DÙNG – CÁCH DÙNG: Dùng uống



- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu:

- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu dưới không biến chứng:

Người lớn: 800 mg sulfamethoxazol + 160 mg trimethoprim (2 viên), cách nhau 12 giờ, trong 10 ngày.

Hoặc liệu pháp 1 liều duy nhất: 320 mg trimethoprim + 1600 mg sulfamethoxazol.

Nhưng điều trị tối thiểu trong 3 ngày hoặc 7 ngày có vẻ hiệu quả hơn.

Trẻ em: 8 mg trimethoprim/kg + 40 mg sulfamethoxazol/kg, chia làm 2 lần cách nhau 12 giờ, trong 10 ngày.

- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu mạn tính tái phát (nữ trưởng thành):

Liều thấp (200 mg sulfamethoxazol + 40 mg trimethoprim mỗi ngày, hoặc một lượng gấp 2 - 4 lần liều đó, uống 1 hoặc 2 lần mỗi tuần) tỏ ra có hiệu quả làm giảm số lần tái phát.

- Nhiễm khuẩn đường hô hấp:

- Đợt cấp viêm phế quản mạn:

Người lớn: 800 - 1200 mg sulfamethoxazol + 160 - 240 mg trimethoprim, 2 lần mỗi ngày, trong 10 ngày.

Viêm tai giữa cấp, viêm phổi cấp ở trẻ em: 8 mg trimethoprim/kg + 40 mg sulfamethoxazol/kg trong 24 giờ, chia làm 2 lần, cách nhau 12 giờ, trong 5 - 10 ngày.

- Viêm họng do liên cầu khuẩn: Không dùng thuốc này.

- Nhiễm khuẩn đường tiêu hóa:

Ly trực khuẩn:

Người lớn: 800 mg sulfamethoxazol + 160 mg trimethoprim cách nhau 12 giờ, trong 5 ngày.

Trẻ em: 8 mg trimethoprim/kg + 40 mg sulfamethoxazol/kg trong 24 giờ, chia làm 2 lần cách nhau 12 giờ, trong 5 ngày.

- Viêm phổi do Pneumocystis carinii:

Trẻ em và người lớn: Liều được khuyến dùng đối với người bệnh được xác định viêm phổi do Pneumocystis carinii là 20 mg trimethoprim/kg + 100 mg sulfamethoxazol/kg trong 24 giờ, chia đều cách nhau 6 giờ, trong 14 - 21 ngày.

- Liều ở bệnh nhân suy thận:



Độ thanh thải creatinin từ 15 – 30 ml/phút nên giảm liều còn nửa liều thông thường.

Độ thanh thải creatinin nhỏ hơn 15 ml/phút, không khuyến cáo dùng VAMIDOL 480.

Thuốc nên uống trong hay ngay sau bữa ăn, bệnh nhân nên uống nhiều nước.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc, các sulfonamid hoặc trimethoprim.
- Tổn thương gan.
- Suy thận nặng, khi không thể ước lượng nồng độ VAMIDOL 480 trong máu.
- Rối loạn về máu nặng.
- Thiếu máu nguyên hồng cầu khổng lồ do thiếu hụt folat.
- Thiếu men G6PD.
- Không dùng cho trẻ em dưới 6 tháng tuổi.

W

THẬN TRỌNG VÀ NHỮNG LƯU Ý ĐẶC BIỆT

- Sau khi dùng sulfonamid không có báo cáo tử vong, nhưng có một số tác dụng phụ như: Hội chứng Stephens-Johnson, hội chứng Lyell's, hoại tử gan cấp, thiếu máu không tái tạo, mất hạt bạch cầu, những rối loạn về máu khác và những phản ứng nhạy cảm đường hô hấp (sự thâm nhiễm phổi).
- Nếu bệnh nhân bị đỏ da, viêm họng, sốt, đau khớp, ho, khó thở, vàng da xảy ra trong thời gian điều trị bằng VAMIDOL 480, mặc dù rất hiếm nhưng tác dụng không mong muốn nguy hiểm tiềm ẩn, do đó nên dừng thuốc ngay lập tức.
- Dùng VAMIDOL 480 trong điều trị viêm họng do liên cầu khuẩn đã chứng minh là không có hiệu quả trong phần lớn các trường hợp bởi vì không thể diệt tận gốc vi khuẩn. VAMIDOL 480 không thích hợp cho điều trị viêm họng do liên cầu khuẩn và viêm amidan.
- VAMIDOL 480 nên dùng thận trọng ở: bệnh nhân suy thận, thiếu hụt folat (người già, người nghiện rượu, bệnh nhân dùng thuốc chống co giật, bệnh nhân mắc hội chứng rối loạn chuyển hóa, và rối loạn dinh dưỡng), những bệnh nhân bị triệu chứng dị ứng nặng, hay bệnh nhân hen suyễn.
- Tăng nguy cơ những phản ứng không mong muốn khi dùng VAMIDOL 480, bao gồm suy gan hay suy thận, xảy ra ở những người già. Tác dụng không mong muốn



nặng thường gặp nhất ở những người già bao gồm những phản ứng da trầm trọng, suy tủy xương, giảm tiểu cầu, có hay không có kèm ban xuất huyết.

- VAMIDOL 480 dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu làm tăng nguy cơ ban xuất huyết.
- Những tác dụng không mong muốn, đặc biệt như đỏ da, sốt, giảm bạch cầu, tăng hoạt tính của aminotransferase máu, tăng kali máu, và giảm natri máu, thường xảy ra ở bệnh nhân AIDS được điều trị với VAMIDOL 480.
- Trong thời gian điều trị với VAMIDOL 480 (như với tất cả các kháng sinh khác), viêm ruột màng giả có thể xảy ra:
 - o Trong những trường hợp viêm ruột màng giả nhẹ, ngưng điều trị là đủ. Trong những trường hợp trung bình đến nặng, bệnh nhân nên được bù dịch, chất điện giải, protein, và dùng những kháng sinh hiệu quả chống lại *Clostridium difficile* (metronidazol, vancomycin). Những thuốc kháng nhu động và những thuốc gây táo bón không nên dùng.
 - o Diễn biến của bệnh có thể nhẹ đến đe dọa tính mạng. Do đó, những chẩn đoán thích hợp của bệnh này ở những bệnh nhân tiêu chảy trong thời gian điều trị bằng kháng sinh là cực kỳ quan trọng. Điều trị bằng kháng sinh lâu dài có liên quan đến bệnh viêm ruột kết và có thể gây tăng số lượng vi khuẩn kỵ khí bacilli. Những chất độc được tạo ra bởi *Clostridium difficile* là nguyên nhân chính của viêm ruột kết.
- Chế phẩm có chứa thành phần có hoạt tính sinh học: propylen glycol có thể gây triệu chứng giống như uống rượu, các ester parahydroxybenzoat có thể gây phản ứng dị ứng (có thể có những phản ứng xảy ra muộn).

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Những tác dụng không mong muốn sau đây của VAMIDOL 480 đã được ghi nhận:

- Rối loạn về máu và hạch bạch huyết
Bạch cầu không hạt, thiếu máu không tái tạo, máu khó đông, thiếu máu nguyên hồng cầu to, tế bào ưa eosin, giảm bạch cầu, giảm bạch cầu trung tính, và giảm tiểu cầu.
- Rối loạn hệ thống miễn dịch
Viêm cơ tim dị ứng, ớn lạnh, sốt do thuốc, phản ứng quá mẫn, ban xuất huyết Henoch-Schonlein, chứng mề đay, ngứa da, hội chứng giống lupus ban đỏ, phát ban dị ứng, hội chứng bệnh huyết thanh xảy ra. Các u mạch máu ngoại biên, các liên kết, sung huyết màng cứng và phản ứng nhạy cảm đường hô hấp hiếm khi xảy ra.



- Rối loạn dinh dưỡng và chuyển hóa: Tăng kali huyết, hạ natri huyết, biếng ăn, và hiếm khi hạ đường huyết xảy ra.
- Rối loạn tâm thần: Suy nhược và ảo giác có thể xảy ra.
- Rối loạn hệ thần kinh: Thờ ơ, viêm màng não do vi khuẩn, mất điều hòa, nhức đầu, co giật, căng thẳng, ù tai, viêm dây thần kinh ngoại biên, yếu cơ, suy nhược, mất ngủ có thể xảy ra.
- Rối loạn hệ hô hấp, ngực và trung thất: Khó thở, ho, sự thâm nhiễm phổi có thể xảy ra.
- Rối loạn hệ tiêu hóa: Tiêu chảy, đau bụng, viêm ruột màng giả, viêm miệng, viêm lưỡi, viêm tụy, buồn nôn, nôn.
- Rối loạn cơ dưới da và da: Hoại tử biểu bì nhiễm độc (hội chứng Lyell), hội chứng Stevens – Johnson: ban đỏ đa dạng, phù mạch, mẩn cảm ánh sáng.
- Rối loạn cơ liên kết và cơ xương: Đau khớp và đau cơ.
- Rối loạn hệ tiết niệu về thận: Kết tinh niệu, suy thận, viêm thận mô kẽ, hội chứng nhiễm độc thận với biểu hiện tiểu ít, tiểu khó, tăng lượng creatinin huyết.

Thông báo cho Bác Sĩ hoặc Dược Sĩ biết những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

HƯỚNG DẪN CÁCH XỬ TRÍ ADR

- Dùng acid folic 5 - 10 mg/ngày có thể tránh được ADR do thiếu acid folic mà không làm giảm tác dụng kháng khuẩn. Cần chú ý là tình trạng cơ thể thiếu acid folic không được phản ánh đầy đủ qua nồng độ acid folic huyết thanh.
- Liều cao trimethoprim trong điều trị viêm phổi do Pneumocystis carinii gây tăng dần dần kali huyết nhưng có thể trở lại bình thường. Nguy cơ tăng kali huyết cũng xảy ra ở liều thường dùng và cần được xem xét, đặc biệt khi dùng đồng thời các thuốc làm tăng kali huyết khác hoặc trong trường hợp suy thận.
- Người bệnh cần được chỉ dẫn uống đủ nước để tránh thuốc kết tinh thành sỏi. Không phơi nắng để tránh phản ứng mẩn cảm ánh sáng.

TƯƠNG TÁC THUỐC

- Kết hợp VAMIDOL 480 với vài thuốc lợi tiểu, đặc biệt là nhóm thiazid, có thể làm tăng nguy cơ giảm tiểu cầu ở người già.
- VAMIDOL 480 có thể làm tăng hiệu quả thuốc kháng đông máu.
- VAMIDOL 480 ức chế chuyển hóa phenytoin; thời gian bán thải của phenytoin kéo dài khoảng 39%, và độ thanh thải phenytoin giảm khoảng 27% ở bệnh nhân dùng cả 2 thuốc.



- VAMIDOL 480 có thể ức chế gắn protein và bài tiết qua thận của methotrexat và vì vậy giảm đào thải, tăng tác dụng của methotrexat.
- VAMIDOL 480 làm tăng nồng độ digoxin trong máu ở một số người già.
- VAMIDOL 480 có thể làm giảm hiệu quả của các thuốc làm giảm đau cấu trúc 3 vòng.
- Ở những bệnh nhân ghép thận, được điều trị bằng VAMIDOL 480 và Cyclosporin, có sự rối loạn nhẹ chức năng thải ghép, tăng creatinin máu (có thể do tác dụng của trimethorim).
- Dùng đồng thời với pyrimethamin có thể gây thiếu máu nguyên hồng cầu.
- Các Sulphonamid có cấu trúc hóa học giống với vài thuốc kháng giáp, thuốc lợi tiểu (acetazolamid và thiazid) và các thuốc trị tiểu đường, và do đó có thể làm tăng phản ứng dị ứng chéo.
- Ảnh hưởng trên một vài thí nghiệm:
 - o Trimethorim có thể làm thay đổi kết quả chẩn đoán lượng methotrexat trong máu dùng phương pháp enzym, nhưng không ảnh hưởng đến kết quả chẩn đoán lượng methotrexat trong máu dùng phương pháp miễn dịch phóng xạ.
 - o VAMIDOL 480 có thể làm tăng kết quả chẩn đoán lượng creatinin bằng phương pháp Jaffe khoảng 10%.

NGƯỜI CÓ THAI – NGƯỜI NUÔI CON BÚ

- Trong những thí nghiệm trên động vật, dùng liều rất cao VAMIDOL 480 gây những khiếm khuyết trên sự phát triển bào thai, đặc trưng của sự kháng folat.
- Thuốc có thể được dùng cho phụ nữ mang thai: phải có ý kiến của bác sỹ, khi lợi ích cho người mẹ cao hơn nguy cơ tiềm ẩn cho bào thai.
- Phụ nữ mang thai được khuyến cáo dùng đồng thời các chế phẩm có chứa folate với VAMIDOL 480.
- Cả Trimethoprim và Sulfamethoxazol đều đi qua sữa mẹ. Không nên dùng VAMIDOL 480 trong thời kỳ cho con bú.

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

- Thuốc không ảnh hưởng trên thần kinh, hay khả năng lái xe và điều khiển máy móc. Tuy nhiên, nếu xảy ra nhức đầu, co giật, căng thẳng, và mệt mỏi nên thận trọng khi lái xe và điều khiển máy móc.

QUÁ LIỀU – CÁCH XỬ TRÍ:**Triệu chứng:**

- Xảy ra khi dùng quá liều Sulfonamid: biếng ăn, đau bụng, buồn nôn, nôn, chóng mặt, nhức đầu, buồn ngủ, và mất tinh táo, sốt, tiểu ra máu, và kết tinh niệu có thể xảy ra. Ở giai đoạn sau đó, suy tủy, và vàng da có thể xảy ra.
- Quá liều cấp tính, buồn nôn, nôn, chóng mặt, nhức đầu, suy nhược, rối loạn sự tinh táo và suy tủy có thể xảy ra.

Xử trí:

- Loại thuốc ra khỏi đường tiêu hóa (rửa dạ dày, và gây nôn) đồng thời uống nhiều nước chức năng thận bình thường.
- Acid hóa nước tiểu thúc đẩy sự đào thải trimethorim, nhưng có thể làm tăng nguy cơ kết tinh sulfonamid ở thận. Công thức máu, các chất điện giải, và những thông số sinh hóa khác của bệnh nhân được theo dõi. Nếu có dấu hiệu ức chế tủy, người bệnh cần dùng leucovorin (acid folinic) 5 - 15 mg/ngày cho đến khi hồi phục tạo máu. Sự thẩm tách máu có hiệu quả không nhiều lắm trong khi thẩm phân màng bụng không có hiệu quả.

BẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng ($< 30^{\circ}\text{C}$)

ĐÓNG GÓI: Ép vỉ 20 viên nén, hộp 1 vỉ. Chai 100 hoặc 500 viên.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SỸ
ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
KHÔNG DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ**

Tên và địa chỉ nhà sản xuất



CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

www.spm.com.vn

Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (08) 37507496 - Fax: (08) 38771010

Tp. HCM, ngày 28 tháng 11 năm 2013

Tổng Giám Đốc



PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thanh



DS. Nguyễn Thế Kỳ